

Bản án số: 98/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2018

"V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI X, TỈNH HÀ TĨNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Huy Bình

Các hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Hoa

- Bà: Trần Thị Thanh Tâm

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghi X, Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi X, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Huy Linh – Kiểm sát viên.

Vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại hội trường xét xử của Toà án nhân dân huyện Nghi X, Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2018/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 20/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Nh - Sinh năm 1986 (Có mặt)

Bị đơn: Anh Phan Thanh H - Sinh năm 1985 (Có mặt)

Cùng trú tại: Thôn c, xã C, huyện Nghi X, tỉnh Hà Tĩnh

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Nghi X.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị L (Vắng mặt)

2. Bà Trần Thị Thanh X – Sinh năm 1952 (Có mặt)

Trú tại: Thôn 11, xã C, huyện Nghi X, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Anh Trần Hải Đ – Sinh năm 1977 (Vắng mặt)

4. Chị Phan Thị Gi – Sinh năm 1979 (Vắng mặt)

5. Ông Trương Đình V – 52 tuổi (Vắng mặt)

6. Bà Trần Thị D – 50 tuổi (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn 9, xã C, huyện Nghi X, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, tài liệu chứng cứ tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị Nh trình bày:

Chị và bị đơn anh Phan Thanh H đăng ký kết hôn ngày 29/8/2006 trên

cơ sở tự nguyện, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Nghi X theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống chung, đến năm 2010 nguyên đơn đi lao động ở nước ngoài, cuối năm 2017 về nước, đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn vì bị đơn có hành vi bạo hành, từ đó đến nay nguyên đơn sống tại nhà mẹ đẻ và vợ chồng ly thân không có liên lạc gì với nhau. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Thị Thu H, sinh ngày 19/11/2007; Phan Thị Thu H, sinh ngày 10/8/2009 hiện đang sống với bị đơn, nguyện vọng của nguyên đơn mong muốn được nuôi con nhưng vì đi làm ăn xa nhà không được gần gũi con nên con muốn ở với bị đơn, chỉ tôn trọng ý kiến của các con, đồng ý để con chung cho bị đơn nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho mỗi cháu/1 tháng. Sau khi ly hôn chị chưa có nhà ở, chưa có công việc ổn định cuộc sống còn khó khăn nên đề nghị cấp dưỡng hàng tháng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, nay vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nhưng nguyên đơn nhất quyết ly hôn nên bị đơn đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn. Nếu ly hôn tôn trọng nguyện vọng của con và đồng ý nuôi hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bị đơn nuôi hai con chung yêu cầu nguyên đơn đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 500.000 đồng/01 tháng /01 cháu. Tiền cấp dưỡng nuôi con yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng một lần, tính từ thời điểm thụ lý vụ án (ngày 09/4/2018)

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 08 tháng 7 năm 2018, bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn thanh toán các khoản sau:

Yêu cầu nguyên đơn phải trả tiền nuôi con 100.000.000 đồng là tiền riêng của bị đơn tự bỏ ra nuôi con thay cho nguyên đơn trong thời gian nguyên đơn đi nước ngoài, tại phiên tòa bị đơn xác định yêu cầu trả tiền cấp dưỡng nuôi con thay cho nguyên đơn.

Yêu cầu nguyên đơn thanh toán 10.000.000 đồng tiền mỗ u mỗ cho con chung Phan Thị Thu H. Hiện nay chưa mỗ nên bị đơn chưa cung cấp được hóa đơn, chứng từ nhưng ước tính khoảng số tiền như yêu cầu.

Trả lại 3.000.000 đồng tiền thuê xe, 2.000.000 đồng tiền ăn trong thời kỳ hôn nhân khi nguyên đơn ở nước ngoài về bị đơn đã bỏ tiền ra thuê xe chở nguyên đơn và tiền ăn từ sân bay Nội Bài về xã C, huyện Nghi X.

Các nội dung đã tiến hành hòa giải được:

- + Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự thuận tình ly hôn
- + Về con chung: Giao các con chung cho bị đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn cấp dưỡng mỗi tháng 500.000 đồng cho mỗi con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi.
- + Về tài sản và nợ chung các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ngoài ra, bị đơn có thừa nhận: Trong thời gian nguyên đơn đi vắng bị đơn ở nhà có vay nợ cụ thể:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam phòng giao dịch Cổ Đàm số tiền 100.000.000 đồng để làm móng nhà.

Anh Trần Hải Đ là chồng của chị gái Phan Thị Gi số tiền 80.000.000 đồng mua máy xay xát.

Bà Trần Thị Thanh X (mẹ ruột) 150.000.000 đồng mua sắm xe máy, tivi, tủ lạnh, đắp vườn, nuôi con...

Ông Trương Đình V và bà Trần Thị D số tiền 25.000.000 đồng mua gạch xây nhà.

Tổng số tiền vay khoảng 355.000.000 đồng, tài sản hình thành từ tiền vay do bị đơn quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn tự kê khai các khoản vay vì khi vay chị không biết nhưng đồng ý khi ly hôn để lại toàn bộ tài sản của mình trong khối tài sản chung cho bị đơn nên bị đơn nhận trả thay toàn bộ nợ coi như bù trừ nghĩa vụ. Vấn đề này các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Nghi X, anh , ông Trương Đình V, bà Trần Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản không yêu cầu độc lập và yêu cầu tòa giải quyết vắng mặt.

Bà Trần Thị X là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia phiên tòa giữ nguyên không có yêu cầu độc lập.

Riêng chị Phan Thị Gi đã nhận được thông báo hợp lệ nhưng hai lần mở phiên tòa đều không có mặt không có lý do.

Các nội dung các đương sự chưa thỏa thuận được:

Nguyên đơn không đồng ý yêu cầu cấp dưỡng một lần, thời gian tính nghĩa vụ cấp dưỡng và yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên các yêu cầu.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 202, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Nh và anh Phan Thanh H ghi nhận cho các đương sự được ly hôn.

Quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao các con chung cho bị đơn chăm sóc, nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo thỏa thuận.

Bác yêu cầu cấp dưỡng 1 lần của bị đơn chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng hàng tháng theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi X. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, hòa giải và mở phiên tòa lần 1 vào ngày 08/8/2018 nhưng có đương sự vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên được hoãn, phiên tòa lần thứ 2 được mở người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Nghi X, ông Trương Đình V, bà Trần Thị D, ông Trần Hải Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Phan Thị Givắng mặt không có lý do lần 2, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Nh và anh Phan Thanh H HĐXX nhận thấy đây là hôn nhân hợp pháp các bên không vi phạm điều kiện và đăng ký kết hôn quy định tại điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung, đến đầu năm 2018 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện tại nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn đồng ý cần ghi nhận.

[3] Về con chung:

Từ năm 2010 đến nay, sau khi nguyên đơn đi lao động ở nước ngoài con chung của vợ chồng Phan Thị Thu H và Phan Thị Thu H do bị đơn chăm sóc, hiện các con đều học tập, sinh sống ổn định tại thôn 12, xã C, Nghi X. Sau khi ly hôn nguyên đơn chưa có nơi ở ổn định, vì vậy để không xáo trộn cuộc sống hiện tại của các con, HĐXX xét thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao các con chung cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyên đơn có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bị đơn là phù hợp hoàn cảnh gia đình và nguyện vọng của các con trên 7 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Xét thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự, HĐXX thấy rằng mức cấp dưỡng của nguyên đơn không trực tiếp nuôi con 500.000 đồng/tháng/con cho bị đơn là phù hợp khoản 2 Điều 82, điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về căn cứ thỏa thuận mức cấp dưỡng, phù hợp với khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định quyền tự thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện của các đương sự nên cần ghi nhận.

Về phương thức cấp dưỡng:

Yêu cầu cấp dưỡng một lần của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận, lý do bị đơn đưa ra yêu cầu cấp dưỡng một lần vì cho rằng nguyên đơn sẽ không thực hiện nghĩa vụ nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Sau khi ly hôn nguyên đơn chưa có chỗ ở và việc làm ổn định việc chấp nhận yêu cầu của bị đơn sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của nguyên đơn, đối chiếu các quy định của pháp luật thì không có quy định buộc người có nghĩa vụ phải cấp dưỡng một lần. Ngoài ra, trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng có hành vi trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng thì bị đơn căn cứ khoản 3 Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình

để được giải quyết. Từ những căn cứ nêu trên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bị đơn và chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng hàng tháng của nguyên đơn là phù hợp.

Về thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con:

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Điều 82. “Nghĩa vụ, quyền cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

2. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con....”

Như vậy nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chỉ đặt ra khi vợ chồng đã ly hôn, căn cứ các quy định của pháp luật thì thời điểm vợ chồng ly hôn là khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nên yêu cầu cấp dưỡng tính từ khi thụ lý vụ án của bị đơn không phù hợp HĐXX không chấp nhận.

Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Đối với yêu cầu thanh toán tiền thuê xe và chi phí ăn uống dọc đường, HĐXX nhận định:

Các đương sự thừa nhận khi nguyên đơn từ nước ngoài về, có xe anh Trần Hải Đ đi từ nhà ra Hà Nội và ngược lại để đón nguyên đơn về. Theo bị đơn tiền thuê xe 3.000.000 đồng và tiền ăn uống dọc đường là 2.000.000 đồng, khoản tiền này của bị đơn lao động trong thời kỳ hôn nhân, trước khi thanh toán số tiền này các bên không có thỏa thuận mà bị đơn tự nguyện thanh toán chi phí sinh hoạt gia đình. Nguyên đơn không đồng ý bởi số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, vợ hoặc chồng đều phải có nghĩa vụ ngang nhau trong việc chi tiêu chung.

Xét yêu cầu của bị đơn thấy rằng đây là khoản sinh hoạt chung của gia đình trong thời kỳ hôn nhân như ăn uống, đi lại, vợ chồng có thể thay nhau thực hiện nghĩa vụ. Bị đơn thừa nhận tự nguyện trả tiền vì trách nhiệm và tình yêu đối với gia đình mà không có thỏa thuận nào về việc vay, mượn hay phân chia nghĩa vụ. Hành động của bị đơn phù hợp với tập quán và mục đích của hôn nhân cần khuyến khích, nay ly hôn bị đơn yêu cầu đòi lại số tiền trên là không có căn cứ pháp luật HĐXX không chấp nhận.

Đối với yêu cầu nguyên đơn thanh toán 10.000.000 đồng tiền mổ u mỡ và bồi dưỡng sau mổ của con chung Phan Thị Thu H:

Khi con chung có bệnh phải điều trị thì trách nhiệm chung được chia đều cho bị đơn và nguyên đơn. Tuy nhiên, do mổ u chưa thực hiện, hóa đơn chứng từ để chứng minh bị đơn không cung cấp được, nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu của bị đơn nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con trong thời gian nguyên đơn đi lao động ở nước ngoài HĐXX xét thấy:

Về quá trình thực hiện nghĩa vụ nuôi con của các đương sự: Bị đơn thừa nhận trong thời gian nguyên đơn đi nước ngoài chi phí nuôi con hết khoảng 250.000.000 đồng, số tiền nguyên đơn gửi về là 320.000.000 đồng sau khi trả nợ vay đi nước ngoài cho nguyên đơn và mua đất số tiền còn lại 130.000.000 đồng dùng để sinh hoạt gia đình, nuôi con (Bút lục số 62). Như vậy, chi phí để nuôi con

chung đã có sự đóng góp đủ của nguyên đơn, ở nhà bị đơn phải có trách nhiệm chi tiêu trong khả năng kinh tế của vợ chồng, ngoài việc nguyên đơn có nghĩa vụ thì bị đơn cũng phải có trách nhiệm lao động kiếm tiền để nuôi con trong thời gian nguyên đơn đi vắng.

Lẽ ra với số tiền nguyên đơn gửi về sau khi trả nợ vay, số tiền còn lại 180.000.000 đồng phải dùng để thực hiện nghĩa vụ nuôi con của nguyên đơn nhưng bị đơn lại dùng 50.000.000 đồng để mua đất nay bị đơn vừa được sử dụng đất chung vừa đòi tiền nuôi con là không hợp lý.

Xét các nguồn tiền để nuôi con của bị đơn: Trong thời gian nguyên đơn ở nước ngoài bị đơn thừa nhận ở nhà có vay mẹ là bà Trần Thị Thanh X 150.000.000 đồng trong đó dùng khoảng 30.000.000 để nuôi con còn lại mua sắm trong gia đình, vay anh rể Trần Hải Đ80.000.000 đồng mua máy xay xát (thu nhập từ máy xay phục vụ sinh hoạt gia đình). Như vậy để nuôi con chung trong thời gian nguyên đơn đi nước ngoài, bị đơn đã sử dụng nhiều nguồn tiền gồm tiền đi lao động của bị đơn, tiền nguyên đơn gửi về, tiền vay bà X và thu nhập từ máy xay dùng tiền vay anh Đăng mua. Tại Bản tự khai ngày 20/8/2018 (BL số 20) bị đơn thừa nhận nguyên đơn không phải trả các khoản nợ trên vì ly hôn đã để lại toàn bộ tài sản giá trị 200.000.000 đồng cho bị đơn và các con sử dụng coi như bù trừ nghĩa vụ cho nhau. Như vậy bị đơn đã mặc nhiên thừa nhận nguyên đơn đã có đóng góp cùng bị đơn trả các khoản nợ vay trong đó có số tiền vay dùng để nuôi con hoặc để mua công cụ lao động tạo ra thu nhập nuôi con chung.

Về tập quán và quy định của pháp luật: Việc xác định công nuôi con cụ thể bằng tiền để yêu cầu đối với các thành viên trong gia đình là không có tiền lệ, bởi lẽ việc nuôi con chung vợ chồng có thể thỏa thuận hoặc thực hiện nghĩa vụ theo khả năng của mỗi người, cha, mẹ nuôi con bằng tình thương yêu và mối quan hệ huyết thống nên yêu cầu đòi lại tiền nuôi dưỡng không phù hợp phong tục tập quán của người Việt. Mặt khác, tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình chỉ quy định cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn mà không quy định cấp dưỡng trong thời kỳ hôn nhân.

Từ các nhận định nêu trên HĐXX cho rằng yêu cầu thanh toán 100.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con trong thời gian nguyên đơn ở nước ngoài là không thể chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập tự nguyện thỏa thuận với nhau không yêu cầu giải quyết chị Phan Thị Givăng mặt không có lý do coi như từ bỏ yêu cầu, HĐXX miễn xét.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 202, Điều 227, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 108, 110, 116, 117 và 119 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng: Điểm b khoản 1 điều 3, điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 1, 5 điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị Nh và anh Phan Thanh H.
2. Ghi nhận sự thỏa thuận giao Phan Thị Thu H, sinh ngày 19/11/2007; Phan Thị Thu H, sinh ngày 10/8/2009 cho anh Phan Thanh H nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự thỏa thuận chị Trần Thị Nh đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phan Thanh H mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) cho mỗi con đến khi các con đủ 18 tuổi;

Tiền cấp dưỡng nuôi con buộc chị Trần Thị Nh mỗi tháng đóng một lần tính từ thời điểm án có hiệu lực và khi có đơn yêu cầu của người có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Trần Thị Nh có quyền đi lại thăm con chung không ai được ngăn cấm.

Bác yêu cầu của anh Phan Thanh H về việc buộc chị Trần Thị Nh cấp dưỡng tiền nuôi con chung một lần và thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 09/4/2018.

3. Bác yêu cầu của anh Phan Thanh H về việc yêu cầu chị Trần Thị Nh thanh toán 100.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con mà bị đơn thực hiện thay trong thời gian nguyên đơn đi nước ngoài và 5.000.000 đồng tiền thuê xe và chi phí ăn uống dọc đường bị đơn đã thanh toán khi đi đón nguyên đơn từ Hà Nội về nhà.

4. Bác yêu cầu thanh toán tiền mổ u cho con chung Phan Thị Thu H của anh Phan Thanh H do chưa có căn cứ để buộc thực hiện nghĩa vụ (u chưa mổ), dành quyền khởi kiện cho bị đơn sau khi mổ.

5. Về án phí:

Buộc chị Trần Thị Nh phải nộp 300.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000585 ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh nay phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Anh Phan Thanh H phải chịu 5.750.000 đồng án phí là nghĩa vụ đối với yêu cầu phản tố không được tòa chấp nhận, nhưng được khấu trừ 2.500.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000634 ngày 09/7/2018 tại Chi cục thi hành án huyện Nghi X nay phải nộp tiếp 3.250.000 đồng.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hợp lệ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được nhận tiền cấp dưỡng có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ cấp dưỡng chưa giao đủ số tiền như bản án đã tuyên, thì hàng tháng người có nghĩa vụ cấp dưỡng còn phải trả cho người được nhận tiền cấp dưỡng một khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ

bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, tương ứng với thời gian chưa thi hành án của khoản tiền chưa thi hành xong.

Trường hợp hợp nghĩa vụ dân sự được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- THADS huyện Nghi Xuân;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu HSVA;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Huy Bình

